

Số: **01** /2020/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày **16** tháng **01** năm **2020**

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
CÔNG VĂN BẢN
Giờ Ngày 21/01
Kính chuyên: TT

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 8
	Ngày: 21/01/20

THÔNG TƯ

Quy định về chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Thông tư này không điều chỉnh:

- a) Chế độ báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật về thống kê;
- b) Chế độ báo cáo mật theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước;
- c) Chế độ báo cáo trong nội bộ cơ quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chế độ báo cáo chuyên đề và báo cáo đột xuất thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 và Điều 8, Điều 9 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP, ngày 24 tháng 01 năm 2019 Quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước (sau đây viết tắt là Nghị định số 09/2019/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức có liên quan đến việc thực hiện các chế độ báo cáo định kỳ trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Điều 3. Nguyên tắc, yêu cầu ban hành chế độ báo cáo định kỳ

Nguyên tắc, yêu cầu ban hành chế độ báo cáo định kỳ thực hiện theo quy định tại Điều 5 và Điều 11 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

Chương II

NỘI DUNG CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Điều 4. Nội dung thành phần của các báo cáo định kỳ

1. Nội dung thành phần của một số chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

2. Nội dung thành phần của các chế độ báo cáo định kỳ khác trong danh mục báo cáo định kỳ ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thực hiện theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Điều 5. Hình thức báo cáo, phương thức gửi báo cáo

1. Báo cáo được thể hiện dưới một trong các hình thức sau đây:

a) Báo cáo bằng văn bản giấy, có chữ ký của người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, đơn vị, đóng dấu theo quy định và gửi bản mềm (file.doc) qua hệ thống thư điện tử;

b) Báo cáo bằng văn bản điện tử thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu, theo thể thức định dạng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, được tạo lập hoặc được số hóa từ văn bản giấy và được gửi, nhận thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Báo cáo được gửi đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bằng một trong các phương thức sau:

a) Gửi qua Trục liên thông văn bản quốc gia;

b) Gửi qua hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Gửi/nhận trực tiếp;

d) Gửi/nhận qua dịch vụ bưu chính;

đ) Gửi/nhận qua Fax;

e) Gửi/nhận qua hệ thống thư điện tử;

Điều 6. Thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn gửi báo cáo

1. Thời gian chốt số liệu báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.
2. Thời hạn gửi báo cáo định kỳ:
 - a) Báo cáo định kỳ hàng tháng: từ ngày 16 đến ngày 25 của tháng thuộc kỳ báo cáo;
 - b) Báo cáo định kỳ hàng quý: từ ngày 16 đến ngày 25 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo;
 - c) Báo cáo định kỳ 6 tháng: từ ngày 16 tháng 6 đến ngày 25 tháng 6 của kỳ báo cáo;
 - d) Báo cáo định kỳ hàng năm: từ ngày 16 tháng 12 đến ngày 25 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Chương III

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 7. Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện chế độ báo cáo

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện chế độ báo cáo, xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo để thực hiện báo cáo điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo và tiết kiệm thời gian, chi phí cho đối tượng thực hiện báo cáo.
2. Giá trị pháp lý của báo cáo điện tử và việc sử dụng chữ ký số thực hiện theo quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Điều 8. Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được xây dựng bảo đảm nguyên tắc quy định tại Điều 15 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và các yêu cầu chức năng cơ bản quy định tại Điều 17 và khoản 2 Điều 18 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.
2. Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được xây dựng, cài đặt tích hợp với hệ thống quản lý văn bản điều hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và được phép trích xuất các báo cáo tổng hợp từ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, bảo đảm biểu mẫu thống nhất với biểu mẫu được Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia cung cấp.
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, an toàn, an ninh phục vụ, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ

a) Thường xuyên tổ chức rà soát chế độ báo cáo định kỳ để đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, đáp ứng các nguyên tắc và yêu cầu của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

b) Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu báo cáo của đơn vị trên cơ sở phân định quyền hạn, trách nhiệm cụ thể theo quy định, đồng thời tuân thủ Luật tiếp cận thông tin.

c) Thống kê danh mục chế độ báo cáo định kỳ được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị chủ trì tham mưu trình theo Phụ lục II kèm theo Thông tư này trong thời gian 05 ngày kể từ khi văn bản được ban hành, gửi Văn phòng Bộ tổng hợp, trình Bộ trưởng công bố, công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Trách nhiệm của Văn phòng Bộ

a) Tham mưu, giúp Bộ trưởng hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này; quản lý lưu trữ, chia sẻ các thông tin báo cáo của ngành, lĩnh vực do Bộ quản lý, ban hành;

b) Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và Bộ, cơ quan, địa phương;

c) Hướng dẫn, tổ chức tập huấn nghiệp vụ cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu từ hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

d) Chủ trì trình Bộ công bố danh mục báo cáo định kỳ tại các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng ban hành hoặc tham mưu ban hành, công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ và cập nhật, công bố thường xuyên khi có sự thay đổi theo quy định.

3. Trách nhiệm của Trung tâm Tin học và Thống kê

a) Xác định cấp độ bảo đảm an toàn thông tin và thực hiện phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ đối với hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật. Thiết lập các hệ thống giám sát, phòng, chống thất thoát dữ liệu; phòng, chống vi rút để đảm bảo an toàn, an ninh cho hệ thống;

b) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện các biện pháp giám sát, bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin phục vụ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu trên Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

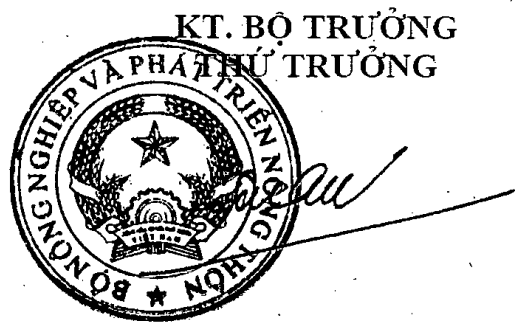
1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2020.
2. Bãi bỏ khoản 11 Điều 16 Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác; điểm a, b, c khoản 7 Điều 7 Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; khoản 6 Điều 5 Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 5 năm 2016 quy định về phòng chống dịch bệnh thủy sản; khoản 3 Điều 43 Thông tư số 22/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 quy định về thuyền viên tàu cá, tàu công vụ thủy sản; Quyết định số 241/QĐ-BNN-TCLN, ngày 05 tháng 02 năm 2013 về việc quy định chế độ báo cáo thực hiện kế hoạch lâm nghiệp; Bãi bỏ cụm từ “*Thời hạn nộp báo cáo 06 tháng đầu năm trước ngày 15 tháng 7 và báo cáo năm trước ngày 15 tháng 01 năm sau*” tại Điều 41 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.
3. Đối với các chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang có hiệu lực thi hành được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan hành chính nhà nước và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Website Chính phủ;
- Lưu: VT, VP.



Hà Công Tuấn